

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 26-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Vượng
2. Ông Trần Nhị Hường

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/5/2025, tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2024/TLST-DS ngày 04/11/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trương Tấn T, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp H, xó L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt

* Bị đơn: Bà Dương Thị L, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ G, ấp F, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trương Tấn T trình bày:

Ngày 05/5/2021, vợ chồng ông T có cho bà Dương Thị L vay số tiền 1.000.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất là 4%/tháng. Việc vay mượn có giấy tờ viết tay, không có công chứng, chứng thực có chị L2 – con bà Dương Thị L đi cùng. Có chữ ký xác nhận của bà Dương Thị L và vợ ông T là bà Nguyễn Thị Ngọc L1.

Sau khi vay, bà Dương Thị L có trả cho ông T được 16 tháng tiền lãi với số tiền 40.000.000đ/tháng là 640.000.000đ.

Đến thời hạn trả nợ gốc, bà Dương Thị L không có tiền trả cho ông T nên các bên thống nhất bà Dương Thị L phải trả cho ông T tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng nhưng bà Dương Thị L chưa trả thêm được khoản tiền nào.

Vì vậy, ông T khởi kiện buộc bà Dương Thị L trả số tiền nợ gốc là 1 tỷ đồng và tiền lãi là 315.400.000đ tính đến ngày 10/4/2024.

Tại biên bản hòa giải, biên bản trình bày ý kiến ngày 22/4/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông T thay đổi ý kiến, thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông T đồng ý trừ số tiền lãi bà Dương Thị L đã trả vượt quá lãi suất quy định vào số tiền gốc và buộc bà Dương Thị L trả số tiền nợ gốc là 566.667.000đ và tiền lãi do chậm trả số tiền 566.667.000đ với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/12/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn bà Dương Thị L đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Bị chưa thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền gốc và lãi vay cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông T khởi kiện yêu cầu buộc bà Dương Thị L cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước phải trả số tiền gốc và lãi đã vay theo hợp đồng vay tiền ngày 05/5/2021. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định giải quyết vắng mặt bà Dương Thị L theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T thấy rằng:

Hợp đồng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay. Khi ký giấy mượn tiền các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm

của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng vay tài sản có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật dân sự.

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc:

Theo lời khai của nguyên đơn thì vợ chồng ông T bà Nguyễn Thị Ngọc L1 cho bà Dương Thị L vay số tiền 1 tỷ đồng, hạn 01 năm tức là ngày 05/5/2022 phải trả số tiền này. Tuy nhiên, theo nguyên đơn, bà L chưa trả số tiền này. Bị đơn bà Dương Thị L không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu về việc đã trả tiền hay chưa nên không có căn cứ nào xác định bà Dương Thị L đã trả số tiền gốc cho vợ chồng ông T. Do bà Dương Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị L trả số tiền nợ gốc đã vay 1 tỷ đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Theo ông T và bà Nguyễn Thị Ngọc L1, mặc dù giấy mượn tiền do bà Nguyễn Thị Ngọc L1 ký nhưng tại thời điểm vay tiền là do ông T và bà Nguyễn Thị Ngọc L1 cho bà Dương Thị L vay và đây là tài sản chung của ông T và bà Nguyễn Thị Ngọc L1 nên ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho vợ chồng ông T số tiền này là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả lãi:

Theo lời khai của nguyên đơn trình bày, khi cho vay, các bên thỏa thuận lãi suất 4%/tháng và bà Dương Thị L đã trả được 16 tháng tiền vay tương đương 640.000.000đ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS thì các bên được thỏa thuận lãi suất nhưng không được vượt quá 20%/năm. Ông T, bà Dương Thị L thỏa thuận lãi suất 4%/tháng tương đương 48%/năm là vượt quá mức quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS. Nên số tiền lãi bà Dương Thị L đã trả cho ông T vượt quá quy định sẽ được trừ vào số tiền gốc còn nợ.

Số tiền lãi bà Dương Thị L phải trả từ ngày 05/5/2021 đến ngày 05/5/2022 theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là $1 \text{ tỷ đồng} \times 20\% / 12 \times 16 = 266.666.666\text{đ}$

Số tiền lãi bà Dương Thị L đã trả vượt quá theo quy định nhà nước là $640.000.000\text{đ} - 266.666.666\text{đ} = 373.333.334\text{đ}$

Như vậy, số tiền gốc bà Dương Thị L còn phải trả là $1.000.000.000\text{đ} - 373.333.334\text{đ} = 626.666.666\text{đ}$

Do bà Dương Thị L không trả cho ông T tiền nợ gốc nên phải chịu tiền lãi về việc chậm trả. Ông T yêu cầu bà Dương Thị L phải trả số tiền lãi tính từ tháng 10/2022 đến nay của số tiền nợ gốc còn lại là có căn cứ, được chấp nhận.

Số tiền lãi bà Dương Thị L phải trả là $626.666.666\text{đ} \times 20\% / \text{năm} \times 32 \text{ tháng} = 324.222.221\text{đ}$

Tổng số tiền bà Dương Thị L phải trả cho vợ chồng ông T là $626.666.666\text{đ} + 324.222.221\text{đ} = 950.888.887\text{đ}$

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà Dương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật trên số tiền phải trả.

Tại phiên tòa, ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chấp nhận trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định của nhà nước vào số tiền gốc còn nợ nên ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, Điều 266; Điều 147 của BLTTDS;

Căn cứ vào Điều 117, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2]. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn T.

Buộc bà Dương Thị L phải trả cho ông Trương Tấn T và bà Nguyễn Thị Ngọc L1 số tiền 950.888.887đ (chín trăm năm mươi triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng) trong đó bao gồm 626.666.666đ tiền gốc và 324.222.221đ tiền lãi tính đến nay (ngày 26/5/2025).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thị L phải nộp 40.526.666đ (bốn mươi triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho ông Trương Tấn T số tiền 37.731.000đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005503 ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản.

[4]. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Hớn Quản
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản
- Các đương sự
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải